



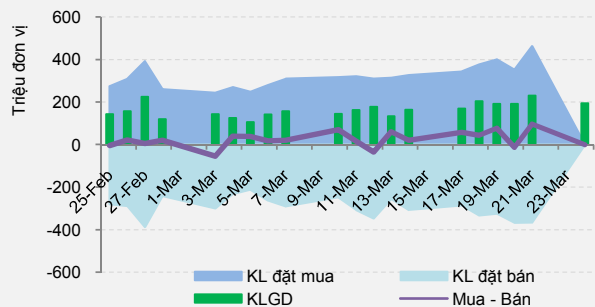
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 24/3/2014

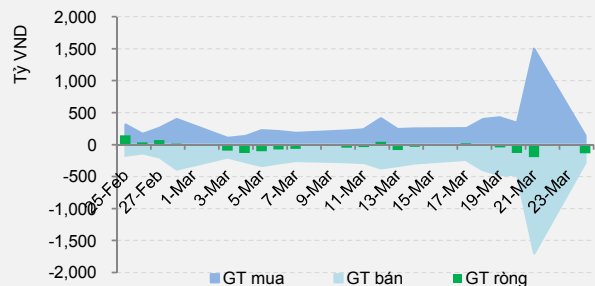
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	607.6	93.0
% Thay đổi	↑ 1.0%	↑ 2.9%
KLGD (CP)	194,824,295	115,632,616
GTGD (tỷ đồng)	3,273.18	1,419.07
Tổng cung (CP)	-	146,358,900
Tổng cầu (CP)	-	162,001,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	8,095,240	2,613,714
KL mua (CP)	3,961,600	986,302
GTmua (tỷ đồng)	146.49	15.54
GT bán (tỷ đồng)	283.19	49.97
GT ròng (tỷ đồng)	(136.70)	(34.43)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.24%	10.1	2.4	3.0%
Công nghiệp	↑ 1.38%	360.2	1.4	20.9%
Dầu khí	↑ 6.28%	8.9	1.9	5.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.07%	15.8	2.3	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.44%	11.3	3.4	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.78%	13.9	5.1	9.0%
Ngân hàng	↑ 2.23%	14.9	1.4	9.7%
Nguyên vật liệu	↑ 1.40%	12.0	2.2	10.0%
Tài chính	↑ 1.78%	17.0	2.8	33.4%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.93%	11.6	4.2	4.6%
VN - Index	↑ 0.96%	14.9	3.2	69.8%
HNX - Index	↑ 2.91%	22.7	1.7	30.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,016,070	0.9%	2,635,470	1.2%
GTGD (tỷ VND)	57,489	1.2%	59,098	1.2%

TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ I CẢI THIỆN SO CÙNG KỲ - THỊ TRƯỜNG TĂNG ĐIỂM MẠNH - CỔ PHIẾU THỊ GIÁ THẤP TIẾP ĐÀ TĂNG NÓNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại khi tâm lý thận trọng tại thời điểm quý ETF tái cơ cấu danh mục trôi qua. Thị trường tăng điểm mạnh dần về cuối phiên với độ rộng thị trường tích cực. Nhóm cổ phiếu thị giá thấp tiếp tục là tâm điểm thu hút dòng tiền, với đà tăng mạnh hơn nhiều so với chỉ số chung. Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã có 2 lần kiểm định thành công ngưỡng tâm lý 600 điểm. Mức mục tiêu tiếp theo của chỉ số VN-Index là vùng +/- 630 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Tuy nhiên mức độ tăng tốc của đa số cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ nhỏ đang làm gia tăng mức độ rủi ro của thị trường trong ngắn hạn.

Chỉ số HNX-Index tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm tích cực với thanh khoản cao, độ rộng thị trường tích cực. Nhóm cổ phiếu nhỏ thị giá thấp mang tính đầu cơ, cổ phiếu chứng khoán tiếp tục thu hút dòng tiền. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Theo PTKT, khi HNX-Index bứt phá qua vùng +/- 92 điểm, mục tiêu tiếp theo là khoảng +/-100 điểm.

Với thực tế thị trường đang tăng khá nóng, việc mua đuổi cổ phiếu cho mục đích đầu tư ngắn hạn ở thời điểm hiện tại tiềm ẩn rủi ro. Nhà đầu tư nên DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng cân kỹ thuật. Có thể xem xét chốt lời dần tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng.

- Chỉ số VN-Index tăng 5.79 điểm (0.96%), lên 607.54 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 604.18 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 2.62 điểm (2.90%), lên 92.99 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 90.37 điểm.

- Theo Tổng cục Thống kê, GDP quý 1/2014 tăng 4.96%, trong đó, khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.37%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4.69%, khu vực dịch vụ tăng 5.95%. Tốc độ tăng GDP Q1 tiếp tục diễn biến cải thiện năm thứ 2 liên tiếp, so với diễn biến kém tích cực trong năm 2012. Xét theo khu vực kinh tế, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có diễn biến cải thiện nhẹ so với mức tăng của năm 2013 (2.24%). Khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ cũng có mức tăng so với cùng kỳ (tốc độ tăng tương ứng Q1.2013 là 4.59% và 5.68%).

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2014 giảm 0.44% so với tháng trước, mức thấp nhất của tháng 3 trong 11 năm qua. So với cùng kỳ, CPI tháng 3/2014 cũng chỉ tăng 4.39%, mức thấp kỷ lục trong 5 năm trở lại đây. CPI tăng thấp tạo điều kiện để các Ngân hàng tiếp tục giảm lãi suất. Thống đốc NHNN nhận định, lạm phát năm 2014 sẽ vào khoảng 6%. Với mức CPI ước tính, lãi suất huy động dự kiến không nhiều biến động so với mức hiện tại. Nếu có điều kiện, các tổ chức tín dụng có thể giảm tiếp lãi suất cho vay, mức độ giảm tối đa 1-2%.

- Ngày 25/3, Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam sẽ cho ra mắt gói tín dụng 50.000 tỷ đồng thông qua chuỗi liên kết xây dựng 4 nhà. Gói tín dụng 50.000 tỷ đồng dành cho xây dựng, vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất và mua, sửa chữa nhà ở trả chậm. Mục tiêu của gói tín dụng nhằm khơi thông hàng hóa vật liệu xây dựng thông qua các hình thức trả chậm và đối trừ, giảm tiền mặt lưu thông góp phần giảm lạm phát, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng mới khi còn có các khoản vay cũ.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 5.79 điểm (0.96%), lên 607.54 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 604.18 điểm.

- KLGD giảm 15% so với phiên giao dịch trước, xuống 189 triệu đơn vị. Tuy nhiên loại trừ tác động từ động thái tái cơ cấu danh mục của quỹ ETF, thanh khoản phiên hôm nay ở mức cao.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 72 điểm. MACD 9 vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại khi tâm lý thận trọng tại thời điểm quỹ ETF tái cơ cấu danh mục trôi qua. Thị trường tăng điểm mạnh dần về cuối phiên với độ rộng thị trường tích cực. Nhóm cổ phiếu thị giá thấp tiếp tục là tâm điểm thu hút dòng tiền, với đà tăng mạnh hơn nhiều so với chỉ số chung.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã có 2 lần kiểm định thành công ngưỡng tâm lý 600 điểm. Mức mục tiêu tiếp theo của chỉ số VN-Index là vùng +/- 630 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Tuy nhiên mức độ tăng tốc của đa số cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ nhỏ đang làm gia tăng mức độ rủi ro của thị trường trong ngắn hạn.

Nhà đầu tư nên DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng cản kỹ thuật. Có thể xem xét chốt lời dần tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 2.62 điểm (2.90%), lên 92.99 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 90.37 điểm.

- KLGD giảm 13% so với phiên trước, xuống 113 triệu đơn vị. Tuy nhiên loại trừ tác động từ động thái tái cơ cấu danh mục của quỹ ETF, thanh khoản phiên hôm nay ở mức cao.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 86 điểm, tâm lý thị trường tích cực. MACD 9 ngày nổi rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm tích cực với thanh khoản cao, độ rộng thị trường tích cực. Nhóm cổ phiếu nhỏ thị giá thấp mang tính đầu cơ, cổ phiếu chứng khoán tiếp tục thu hút dòng tiền.

Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Theo PTKT, khi HNX-Index bứt phá qua vùng +/- 92 điểm, mục tiêu tiếp theo là khoảng +/-100 điểm.

Với thực tế thị trường đang tăng khá nóng, việc mua đuổi cổ phiếu cho mục đích đầu tư ngắn hạn ở thời điểm hiện tại tiềm ẩn rủi ro. Nhà đầu tư nên DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng cản kỹ thuật.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

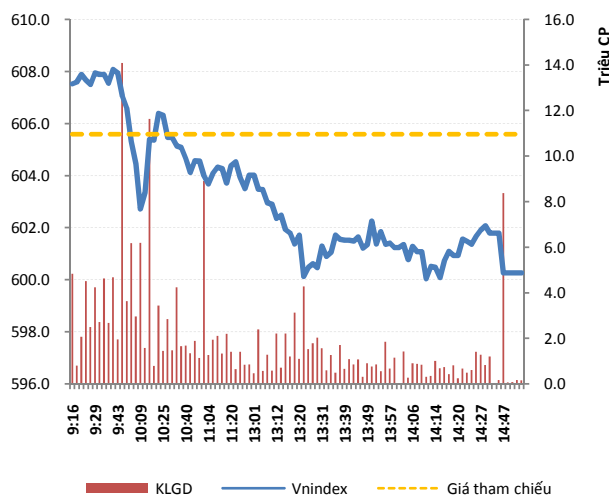
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 21/03/2014

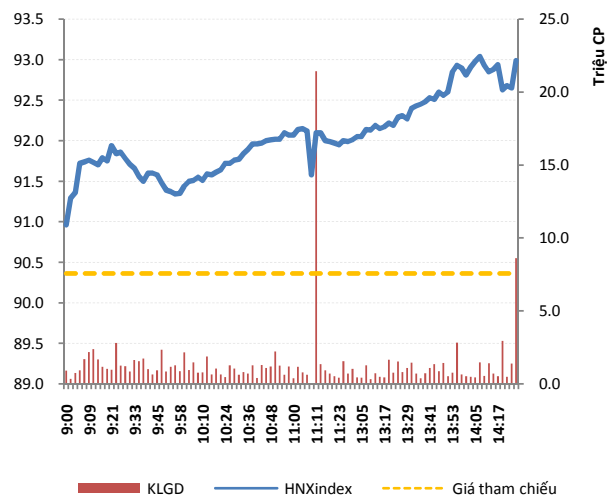


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

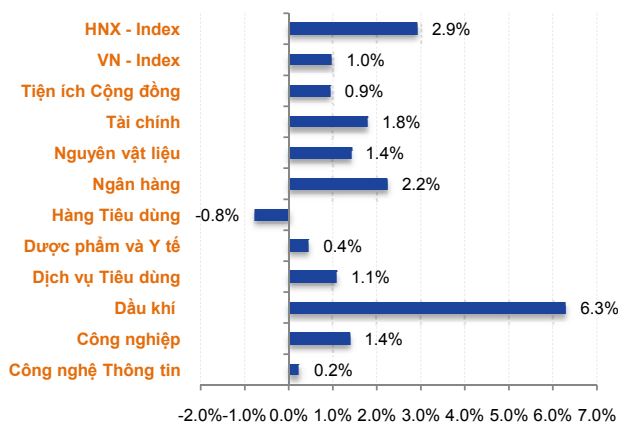
KLGD và VN-Index trong phiên



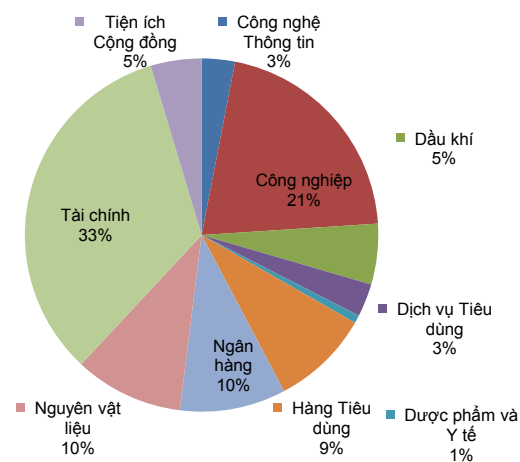
KLGD và HNX-Index trong phiên



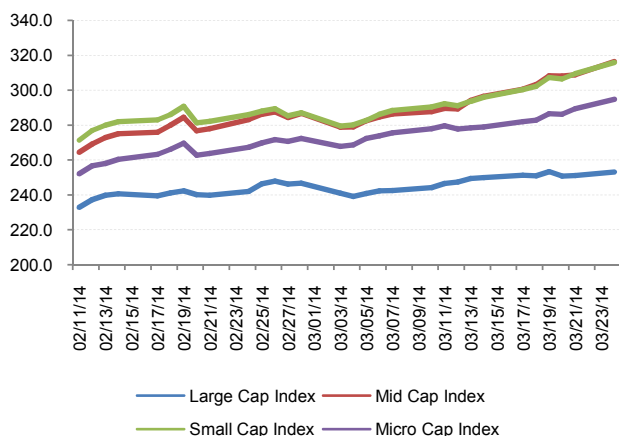
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



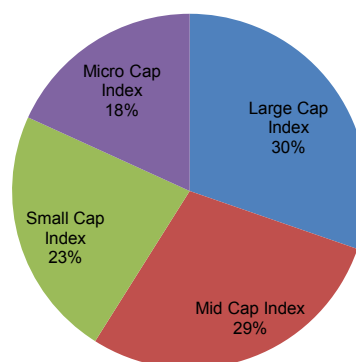
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FCN	244,150	DPR	1,061,320
2	VSH	194,280	HAG	776,880
3	SJS	129,140	HPG	687,040
4	PET	125,420	DIG	461,160
5	HSG	102,610	BMI	395,940

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IVS	184,700	VCG	788,600
2	SHB	87,400	PVS	617,400
3	PHH	79,500	BVS	271,500
4	HPC	73,000	HDO	124,000
5	PVC	59,000	PVX	93,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	9.6	10.0	↑ 4.17%	13,976,610
HQC	9.4	10.0	↑ 6.38%	9,459,270
FLC	14.7	15.7	↑ 6.80%	7,442,120
OGC	13.6	14.5	↑ 6.62%	5,494,320
MBB	16.4	16.8	↑ 2.44%	5,382,190

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.6	12.1	↑ 4.31%	13,046,515
PVX	7.3	7.4	↑ 1.37%	11,432,869
SCR	10.8	11.8	↑ 9.26%	8,448,410
KLS	14.3	14.8	↑ 3.50%	5,569,620
PVS	29.8	32.1	↑ 7.72%	5,148,800

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ANV	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
RIC	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
KTB	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
VSI	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
ALP	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PVV	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
ORS	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
VCV	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
HPC	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
PVR	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SCD	30.0	27.9	-2.1	↓ -7.00%
CTI	14.5	13.5	-1.0	↓ -6.90%
TDW	19.4	18.1	-1.3	↓ -6.70%
RDP	16.0	15.0	-1.0	↓ -6.25%
CMV	13.8	13.0	-0.8	↓ -5.80%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGC	28.3	25.5	-2.8	↓ -9.89%
QST	17.5	15.8	-1.7	↓ -9.71%
TAG	27.5	24.9	-2.6	↓ -9.45%
DNC	14.3	13.0	-1.3	↓ -9.09%
INC	7.2	6.6	-0.6	↓ -8.33%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	13,976,610	0.7%	73	137.1	0.9
HQC	9,459,270	3.5%	376	26.6	0.9
FLC	7,442,120	7.9%	663	23.7	1.9
OGC	5,494,320	3.2%	352	41.2	1.3
MBB	5,382,190	16.2%	2,120	7.9	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	13,046,515	7.6%	854	14.2	1.0
PVX	11,432,869	-115.4%	(5,275)	-	3.7
SCR	8,448,410	0.4%	53	222.6	0.8
KLS	5,569,620	5.5%	716	20.7	1.1
PVS	5,148,800	21.0%	3,568	9.0	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ANV	↑ 7.0%	0.7%	145	73.6	0.5
RIC	↑ 7.0%	-0.6%	(88)	(104.0)	0.6
KTB	↑ 6.9%	0.6%	65	118.0	0.7
VSI	↑ 6.9%	2.0%	256	30.1	0.6
ALP	↑ 6.9%	-10.8%	(1,050)	(5.9)	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PVV	↑ 10.0%	-22.4%	(1,891)	14.2	0.7
ORS	↑ 10.0%	-84.1%	(4,875)	(1.1)	1.6
VCV	↑ 10.0%	-139.9%	(4,626)	(1.0)	4.4
HPC	↑ 10.0%	5.5%	385	20.0	1.1
PVR	↑ 10.0%	-3.2%	(330)	(16.7)	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FCN	244,150	20.9%	3,677	7.8	1.9
VSH	194,280	7.9%	980	18.4	1.4
SJS	129,140	4.5%	712	34.7	1.5
PET	125,420	12.8%	2,269	10.0	1.3
HSG	102,610	25.7%	5,770	9.5	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IVS	184,700	0.7%	72	161.9	1.1
SHB	87,400	7.6%	854	14.2	1.0
PHH	79,500	0.3%	47	185.3	0.6
HPC	73,000	5.5%	385	20.0	1.1
PVC	59,000	9.3%	1,571	12.4	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	159,180	40.8%	6,535	12.9	4.8
VNM	119,186	39.6%	7,839	18.2	6.8
VCB	73,694	10.4%	1,881	16.9	1.7
MSN	73,491	3.0%	611	163.6	4.9
VIC	70,883	54.2%	7,405	10.5	4.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,127	6.6%	889	19.7	1.3
PVS	14,339	21.0%	3,568	9.0	1.7
SHB	10,722	7.6%	854	14.2	1.0
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
VCG	7,686	10.0%	1,233	14.1	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	5.07	0.6%	62	86.9	0.6
VNG	2.98	0.3%	35	180.3	0.6
PXM	2.61	491.0%	(10,149)	-	(0.3)
NKG	2.53	18.2%	1,858	8.0	1.3
CDC	2.51	0.9%	148	68.3	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	4.70	0.4%	42	217.8	0.9
HHL	4.34	-67.9%	(1,016)	-	3.0
GGG	4.20	256.0%	(6,685)	-	(0.7)
BHC	4.00	-168.3%	(3,074)	-	9.7
ORS	3.94	-84.1%	(4,875)	-	1.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)